



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.15.01S.2026.1775>

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP CHO SINH VIÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Trương Thị Thủy Tiên^{1,2*} và Bùi Đức Tú³

¹*Trung tâm Hợp tác Doanh nghiệp và Khởi nghiệp,
Trường Đại học Thủ Dầu Một, Việt Nam*

²*Nghiên cứu sinh Trường Đại học Sài Gòn, Việt Nam*

³*Trường Đại học Sài Gòn, Việt Nam*

**Tác giả liên hệ, Email: tienttt@tdmu.edu.vn.*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 10/02/2026; Ngày nhận chỉnh sửa: 11/3/2026; Ngày duyệt đăng: 16/3/2026

Tóm tắt

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và tác động mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được khẳng định là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Trong bối cảnh đó, các trường đại học được xác định giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành tinh thần khởi nghiệp và hỗ trợ sinh viên phát triển các ý tưởng, dự án khởi nghiệp. Bài viết sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu để phân tích các cách tiếp cận lý luận, mô hình tổ chức và thực tiễn quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên trong trường đại học. Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đã được triển khai với nhiều hình thức đa dạng, song hiệu quả phụ thuộc lớn vào năng lực quản lý, mức độ tích hợp với chiến lược phát triển của nhà trường và cơ chế phối hợp giữa các chủ thể trong hệ sinh thái. Trên cơ sở đó, bài viết xác định khoảng trống nghiên cứu và gợi mở một số hàm ý nhằm góp phần đổi mới quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên trong các trường đại học Việt Nam.

Từ khóa: *Đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên, quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp, trường đại học.*

Trích dẫn: Trương, T. T. T., & Bùi, Đ. T. (2026). Tổng quan nghiên cứu về quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên tại trường đại học. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(01S), 151-165. <https://doi.org/10.52714/dthu.15.01S.2026.1775>

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

A REVIEW ON THE MANAGEMENT OF STUDENT ENTREPRENEURSHIP SUPPORT ACTIVITIES IN UNIVERSITIES

Truong Thi Thuy Tien^{1,2*} and Bui Duc Tu³

¹*Center for Enterprise Cooperation and Entrepreneurship,
Thu Dau Mot University, Vietnam*

²*Postgraduate, Sai Gon University, Vietnam*

³*Sai Gon University, Vietnam*

**Corresponding author, email: tienttt@tdmu.edu.vn.*

Article history

Received: 10/02/2026; Received in revised form: 11/3/2026; Accepted: 16/3/2026

Abstract

On international integration and the strong impact of the Fourth Industrial Revolution, innovative entrepreneurship is recognized as one of the important driving forces for economic growth and enhancing national competitiveness. In this context, universities are identified as playing a crucial role in fostering an entrepreneurial mindset and supporting students in developing entrepreneurial ideas and projects. This literature review analyzes theoretical approaches, organizational models, and management practices of entrepreneurship support activities for students in universities. The results indicate that entrepreneurship support activities have been implemented in various forms, and their effectiveness largely depends on management capacity, alignment with the university's development strategy, and coordination mechanisms among stakeholders in the entrepreneurial ecosystem. Thereby, research gaps are identified and several implications are offered on innovating the management of student entrepreneurship support in Vietnamese universities.

Keywords: *Entrepreneurial ecosystem, innovation, management of entrepreneurship support, student entrepreneurship support, university.*

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và tác động mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ngày càng được khẳng định là một trong những động lực then chốt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Sự phát triển của nền kinh tế tri thức, với đặc trưng là tốc độ đổi mới nhanh của khoa học và công nghệ cùng vai trò ngày càng gia tăng của tri thức trong tạo lập giá trị, đặt ra yêu cầu các quốc gia phải không ngừng thúc đẩy sáng tạo và khởi nghiệp như một chiến lược phát triển dài hạn (Hofer & Potter, 2010b). Các nghiên cứu quốc tế cho thấy khởi nghiệp không chỉ đơn thuần là một hoạt động kinh tế mà còn là quá trình hình thành và phát triển năng lực sáng tạo, đổi mới và khả năng thích ứng của con người trong bối cảnh chuyển đổi số (Audretsch & Link, 2011; Fayolle & Gailly, 2008).

Tại Việt Nam, hơn một thập kỷ qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng nhằm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, xác định khởi nghiệp là nhiệm vụ kinh tế gắn với mục tiêu chính trị - xã hội và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Các nghị quyết của Đảng, đặc biệt là Đại hội XIII và Nghị quyết số 05-NQ/TW, đã nhấn mạnh vai trò của khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2016; Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Trên cơ sở đó, Chính phủ triển khai Đề án 844 và Đề án 1665, từng bước hình thành mạng lưới liên kết các chủ thể trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, từ cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư đến các cơ sở giáo dục đại học.

Trong các chủ thể của hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia, các cơ sở giáo dục đại học được xác định giữ vai trò trung tâm trong việc trang bị kiến thức, kỹ năng và tinh thần khởi nghiệp cho sinh viên, được nhấn mạnh trong Đề án 1665/QĐ-TTg (2017). Theo OECD (2010), các trường đại học được xem là “cầu nối giữa nghiên cứu, đổi mới và doanh nghiệp”, tạo môi trường thuận lợi cho sự tương tác giữa giảng viên, sinh viên và doanh nghiệp trong quá trình phát triển ý tưởng và sản phẩm mới. Thực tiễn tại nhiều quốc gia phát triển như Hoa Kỳ, Anh và Nhật Bản cho thấy mô hình hệ sinh thái khởi nghiệp dựa vào đại học đã góp phần kết nối tri thức, công nghệ và thị trường, qua đó thúc đẩy vai trò của trường đại học như một trung tâm ươm tạo doanh nghiệp và lan tỏa tinh thần đổi mới sáng tạo trong xã hội. Hiện tại ở Việt Nam, phong trào “Quốc gia khởi nghiệp” từ năm 2016 đã tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của giới trẻ. Nhiều trường đại học đã tích hợp các học phần về khởi sự kinh doanh, đổi mới sáng tạo và quản trị dự án khởi nghiệp vào chương trình đào tạo (Nguyễn & cs., 2020). Một số cơ sở giáo dục đại học tiêu biểu như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh đã chủ động xây dựng trung tâm khởi nghiệp, tổ chức các cuộc thi ý tưởng và tăng cường kết nối doanh nghiệp - cố vấn nhằm hỗ trợ sinh viên hiện thực hóa các dự án khởi nghiệp. Tuy nhiên, các hoạt động này chủ yếu tập trung tại các trường đại học lớn, trong khi nhiều trường đại học địa phương - nơi chiếm tỷ trọng đáng kể trong hệ thống giáo dục đại học - vẫn còn gặp không ít khó khăn về nguồn lực, tổ chức và cơ chế quản lý.

Xu hướng giáo dục đại học hiện đại đang chuyển dịch từ mục tiêu “đào tạo để có việc làm” sang “đào tạo để tự tạo việc làm” (Freund & cs., 2021), đặt ra yêu cầu đổi mới toàn diện trong tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo và hỗ trợ sinh viên. Điều này đòi hỏi các trường đại học không chỉ đổi mới nội dung giảng dạy mà còn phải xây dựng môi trường khởi nghiệp toàn diện, trong đó sinh viên được hỗ trợ xuyên suốt từ hình thành ý tưởng, phát triển mô hình kinh doanh đến tiếp cận nguồn lực và cố vấn chuyên môn. Mặc dù Đề án 1665 đã thể chế hóa hoạt động khởi nghiệp như một cấu phần trong phát triển sinh viên toàn diện, song trên thực tế, các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp tại nhiều trường đại học vẫn còn mang tính phân tán, thiếu

cơ chế điều phối thống nhất và chưa có các công cụ đánh giá hiệu quả rõ ràng.

Từ các phân tích trên cho thấy, mặc dù hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên đã được nghiên cứu và triển khai ở nhiều góc độ, các nghiên cứu tiếp cận từ khía cạnh quản lý, đặc biệt là quản lý tổng thể trong trường đại học, vẫn còn hạn chế. Đặc biệt, còn thiếu các nghiên cứu xây dựng khung quản lý mang tính hệ thống, gắn với chiến lược phát triển nhà trường và bối cảnh của các trường đại học địa phương. Vì vậy, bài báo tập trung tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước về quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên trong trường đại học, nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận, nhận diện khoảng trống nghiên cứu và gợi mở định hướng nghiên cứu tiếp theo.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu nhằm thu thập, chọn lọc và phân tích các nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên và quản lý hoạt động này trong trường đại học. Tài liệu được lựa chọn từ các cơ sở dữ liệu khoa học và nguồn học thuật có độ tin cậy cao, tập trung vào giai đoạn 2005–2024 (ưu tiên 2015 - 2024). Việc lựa chọn tài liệu dựa trên các nhóm từ khóa chính như: giáo dục khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên, đại học khởi nghiệp, hệ sinh thái khởi nghiệp, và quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp trong trường đại học. Trên cơ sở phân tích, so sánh và tổng hợp, nghiên cứu phân loại các tài liệu theo ba nhóm nội dung: cơ sở lý luận và các cách tiếp cận; nghiên cứu về hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp; và nghiên cứu về quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp trong trường đại học. Từ đó, bài viết xác định các xu hướng nghiên cứu chủ yếu, những kết quả đã đạt được và khoảng trống nghiên cứu cần tiếp tục làm rõ.

2.2. Cơ sở lý luận và khung nghiên cứu

2.2.1. Các cách tiếp cận

Trong hơn ba thập kỷ qua, giáo dục khởi nghiệp và hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp trong trường đại học đã trở thành một hướng nghiên cứu quan trọng trong các lĩnh vực khoa học giáo dục, quản trị và đổi mới sáng tạo. Theo Fayolle và Gailly (2008), giáo dục khởi nghiệp không chỉ hướng tới đào tạo người khởi sự doanh nghiệp mà quan trọng hơn là hình thành năng lực sáng tạo, tư duy độc lập và khả năng giải quyết vấn đề cho người học. Quan điểm này phù hợp với cách tiếp cận “giáo dục tinh thần doanh nhân” – nhấn mạnh phát triển năng lực và thái độ khởi nghiệp – được nhiều trường đại học trên thế giới tích hợp vào chương trình đào tạo (Gibb, 1993; Neck & Greene, 2011).

Trong hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, Hofer và Potter (2010b) khẳng định trường đại học giữ vai trò trung tâm trong việc hình thành các doanh nhân dựa trên tri thức (knowledge-based entrepreneurs), thông qua ba chức năng cốt lõi: tạo lập tri thức từ nghiên cứu khoa học; chuyển giao công nghệ và kết nối với doanh nghiệp; và nuôi dưỡng văn hóa đổi mới sáng tạo. Theo Etzkowitz (2008), sự tương tác giữa trường đại học - doanh nghiệp - nhà nước hình thành mô hình Triple Helix, tạo nền tảng cho sự vận hành hiệu quả của hệ sinh thái khởi nghiệp. Bosma & cs. (2021) với nghiên cứu thực nghiệm quy mô toàn cầu cho thấy giáo dục đại học có mối quan hệ tích cực với ý định và hoạt động khởi nghiệp giai đoạn đầu, qua đó khẳng định vai trò quan trọng của trường đại học trong thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Những tiếp cận trên cho thấy yêu cầu không chỉ phát triển các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp trong trường đại học, mà còn cần nghiên cứu một cách có hệ thống vấn đề quản lý các hoạt động này nhằm bảo đảm hiệu quả và tính bền vững.

2.2.2. Khái niệm

a. Hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên tại trường đại học

Hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên tại trường đại học được hiểu là tổng thể các chương trình, dịch vụ, chính sách và môi trường học tập do nhà trường tổ chức nhằm khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, phát triển năng lực sáng tạo và hỗ trợ sinh viên hình thành, triển khai các dự án khởi nghiệp. Theo OECD (2010) và European Union (2017), giáo dục khởi nghiệp hướng tới việc trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để biến ý tưởng thành hành động tạo giá trị.

Các nghiên cứu cho thấy hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp trong trường đại học thường bao gồm: đào tạo kỹ năng và kiến thức khởi nghiệp; tổ chức các cuộc thi ý tưởng, dự án; hoạt động cố vấn và ươm tạo; hỗ trợ tài chính ban đầu; và kết nối với doanh nghiệp, nhà đầu tư. Neck & Greene (2011) xem đây là quá trình học tập trải nghiệm, trong đó sinh viên giữ vai trò chủ thể tích cực thông qua thực hành và thử nghiệm. Lackéus (2015) bổ sung yếu tố học tập cảm xúc, nhấn mạnh vai trò của phản tư và trải nghiệm thực tiễn trong quá trình hình thành năng lực khởi nghiệp.

b. Quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên tại trường đại học

Quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên là quá trình lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp trong trường đại học nhằm đạt được mục tiêu giáo dục và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Theo Hofer và Potter (2010a), quản lý hiệu quả cần bảo đảm sự phối hợp đồng bộ giữa chính sách, nguồn lực tài chính, cơ sở hạ tầng, nhân lực và cơ chế đánh giá.

Từ góc độ quản lý giáo dục, Bùi (2024) cho rằng quản lý nhà trường là quá trình tác động có mục đích đến toàn bộ các thành tố và hoạt động nhằm đạt mục tiêu giáo dục đã xác định. Trên cơ sở đó, Nguyễn và Nguyễn (2021) xác định quản lý hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp là sự tác động có tổ chức của chủ thể quản lý nhà trường thông qua các chức năng quản lý và việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm đạt mục tiêu hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp.

Kế thừa và tổng hợp các quan điểm trên, trong nghiên cứu này, quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên tại trường đại học được hiểu là quá trình chủ thể quản lý trong nhà trường tác động một cách có mục đích và có tổ chức, thông qua các chức năng quản lý (kế hoạch hóa, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra), nhằm điều hành, phối hợp và huy động các nguồn lực để triển khai hiệu quả các chương trình, chính sách và hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên, góp phần phát triển năng lực khởi nghiệp và hình thành các dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp trong môi trường đại học.

2.2.3. Khung lý thuyết sử dụng trong nghiên cứu

Trong các khung lý thuyết được vận dụng trong nghiên cứu này, chu trình PDCA (Plan-Do-Check-Act) được sử dụng như logic trung tâm để tiếp cận quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên trong trường đại học; mô hình Triple Helix (Etzkowitz & Leydesdorff, 2000) và mô hình hệ sinh thái khởi nghiệp (Isenberg, 2011) cung cấp cơ sở để lý giải mối quan hệ với chủ thể giữa nhà trường với các chủ thể bên ngoài; trong khi Thuyết hành vi có kế hoạch (Ajzen, 1991) và khung năng lực EntreComp (European Union, 2017) làm cơ sở tiếp cận phát triển năng lực khởi nghiệp.

2.3. Tổng quan các nghiên cứu

2.3.1. Nghiên cứu về hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên tại trường đại học

a. Quốc tế

Các nghiên cứu quốc tế về hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên tại trường đại học được hình thành trên nền tảng lý luận đa ngành, kết hợp giữa kinh tế học, quản trị, khoa học giáo dục và khoa học hành vi. Trong các nghiên cứu này, khởi nghiệp không chỉ được hiểu là hành vi thành lập doanh nghiệp, mà là một quá trình tạo ra giá trị mới gắn với đổi mới sáng tạo, khai thác cơ hội và hành động trong điều kiện bất định (Gartner, 1988; Schumpeter, 1934; Shane & Venkataraman, 2000). Quan điểm này đã định hướng cho sự phát triển của giáo dục khởi nghiệp và các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp trong trường đại học, coi sinh viên là chủ thể trung tâm của quá trình học tập thông qua trải nghiệm và hành động.

Từ góc độ giáo dục, nhiều nghiên cứu khẳng định giáo dục khởi nghiệp đóng vai trò nền tảng cho các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp trong trường đại học. Bird (1988) và MacMillan (1993) cho rằng tinh thần khởi nghiệp là tập hợp các thái độ, động cơ và khuynh hướng hành động có thể được hình thành và phát triển thông qua giáo dục. Hansemark (1998) và Holmgren & cs. (2004) nhấn mạnh giáo dục khởi nghiệp không chỉ cung cấp kiến thức và kỹ năng kinh doanh, mà còn định hình niềm tin, giá trị và thái độ tích cực đối với khởi nghiệp, từ đó ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp và hành vi khởi nghiệp của người học. Những lập luận này tạo cơ sở khoa học để trường đại học triển khai các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp như một phần mở rộng tất yếu của giáo dục khởi nghiệp. Các nghiên cứu sau này tiếp tục làm rõ nội dung và phương thức của hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cần gắn chặt với học tập trải nghiệm, tư duy thiết kế, mô phỏng kinh doanh và quá trình tạo giá trị thực tiễn cho người khác, thay vì chỉ truyền đạt kiến thức lý thuyết. Cách tiếp cận này nhấn mạnh vai trò của thử nghiệm, phản tư và hành động trong quá trình hình thành năng lực khởi nghiệp của sinh viên (Bechard & Toulouse, 1998; Fayolle & Gailly, 2008; Lackeus, 2015; Neck & Greene, 2011).

Trên nền tảng đó, nhiều nghiên cứu quốc tế tiếp cận hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp trong trường đại học theo hướng hệ thống và thể chế hóa. Các báo cáo của OECD trong khuôn khổ Chương trình LEED coi trường đại học là một tác nhân trung tâm của hệ sinh thái khởi nghiệp, nơi tích hợp đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao tri thức và hỗ trợ khởi nghiệp (Hofer & Potter, 2010a, 2010b; OECD, 2010) phân tích các mô hình hỗ trợ khởi nghiệp tại các trường đại học thuộc khối OECD và đề xuất bộ tiêu chí thực hành tốt, bao gồm: chiến lược và quản trị hỗ trợ khởi nghiệp; nguồn lực con người và tài chính; cơ sở hạ tầng hỗ trợ (vườn ươm, không gian sáng tạo); giáo dục khởi nghiệp tích hợp; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp và cơ chế đánh giá hiệu quả. Các nghiên cứu này cho thấy hiệu quả của hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp phụ thuộc lớn vào năng lực quản lý và mức độ phối hợp giữa các cấu phần trong và ngoài nhà trường.

Một hướng nghiên cứu quan trọng khác là đánh giá tác động của các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đến nhận thức, thái độ, ý định và năng lực khởi nghiệp của sinh viên. Trên cơ sở Thuyết hành vi có kế hoạch (Ajzen, 1991), nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã chứng minh rằng các hoạt động hỗ trợ trong trường đại học có ảnh hưởng tích cực đến ý định và hành vi khởi nghiệp thông qua các yếu tố trung gian như thái độ, chuẩn chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi. Nabi & cs. (2017) nhấn mạnh vai trò của truyền cảm hứng khởi nghiệp trong các chương trình hỗ trợ giai đoạn sớm, trong khi phân tích tổng hợp của Hua & cs. (2022) tiếp tục khẳng định tác động tích cực của giáo dục và hoạt động khởi nghiệp đại học đối với năng lực khởi nghiệp của sinh viên.

Ngoài ra, nhiều nghiên cứu quốc tế mở rộng hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sang các lĩnh vực như khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp công nghệ và khởi nghiệp xã hội. Các công trình của Kyrö (2015), Nascimento & Salazar (2020) cho thấy hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp trong trường đại học ngày càng được định hướng theo hướng tạo giá trị xã hội, gắn với phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội, phản ánh sự chuyển dịch quan trọng trong tư duy thiết kế và quản lý các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp tại các trường đại học hiện đại.

Tổng hợp các nghiên cứu quốc tế cho thấy, hiệu quả của hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp trong trường đại học không chỉ phụ thuộc vào nội dung và phương thức triển khai, mà còn chịu ảnh hưởng quyết định từ mô hình tổ chức và năng lực quản lý các hoạt động này trong tổng thể hệ sinh thái đại học. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu được thực hiện tại các trường đại học nghiên cứu hoặc đại học đổi mới sáng tạo ở các quốc gia phát triển, nơi có điều kiện nguồn lực và thể chế thuận lợi; do đó, việc vận dụng các mô hình này vào bối cảnh các trường đại học địa phương tại các quốc gia đang phát triển cần có sự điều chỉnh phù hợp.

b. Việt Nam

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên trong trường đại học phát triển mạnh trong bối cảnh quốc gia thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và triển khai Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp”. Các công trình trong nước chủ yếu tiếp cận hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp từ góc độ giáo dục khởi nghiệp, vai trò của nhà trường, thực trạng triển khai và đề xuất giải pháp.

Một nhóm nghiên cứu tập trung làm rõ mối quan hệ giữa giáo dục khởi nghiệp, hoạt động hỗ trợ và ý định khởi nghiệp của sinh viên. Phan (2017) chỉ ra rằng giáo dục khởi nghiệp có tác động tích cực đến ý định khởi sự kinh doanh của sinh viên thông qua việc hình thành thái độ, sự tự tin và khả năng chấp nhận rủi ro. Các nghiên cứu của Nguyễn & cs. (2020), Phạm & Nguyễn (2021) cũng cho thấy sinh viên có nhận thức tích cực về khởi nghiệp khi được tiếp cận các hoạt động đào tạo và hỗ trợ trong nhà trường, song mức độ tham gia và hiệu quả còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện tổ chức và nguồn lực của từng cơ sở giáo dục đại học.

Bên cạnh đó, nhiều nghiên cứu trong nước tập trung mô tả thực trạng hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp tại các trường đại học. Các hoạt động phổ biến bao gồm: tổ chức học phần và khóa đào tạo khởi nghiệp, tập huấn kỹ năng, cuộc thi khởi nghiệp, hoạt động cố vấn (mentoring), xây dựng không gian sáng tạo và hỗ trợ kết nối doanh nghiệp. Bùi (2019) đề xuất lộ trình hỗ trợ sinh viên theo các giai đoạn nhận thức – hiểu biết – triển khai khởi nghiệp, nhấn mạnh vai trò điều phối của nhà trường. Trần và Lê (2019), Đặng (2020) cho rằng tại nhiều trường đại học, các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp vẫn mang tính phong trào, phân tán, thiếu đồng bộ và chưa được tổ chức theo một mô hình quản lý thống nhất.

Ngoài ra, các nghiên cứu trong nước về hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo bước đầu nhấn mạnh vai trò của trường đại học trong việc kết nối nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức hỗ trợ (Lê, 2021; Phạm, 2021). Tuy nhiên, vẫn còn thiếu các nghiên cứu làm rõ cơ chế quản lý hệ sinh thái khởi nghiệp trong trường đại học, đặc biệt là tại các trường đại học địa phương - nơi nguồn lực hạn chế, cơ chế phối hợp chưa chặt chẽ và chịu tác động mạnh từ điều kiện kinh tế - xã hội vùng.

Nhìn chung, các nghiên cứu trong nước đã phản ánh tương đối rõ nội dung và thực tiễn hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên, song phần lớn mới dừng ở mô tả thực trạng hoặc đề xuất giải pháp riêng lẻ, trong khi còn thiếu các nghiên cứu tiếp cận hoạt động này từ góc độ quản lý hệ thống.

2.3.2. Nghiên cứu về quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên tại trường đại học

a. Quốc tế

Nghiên cứu về khởi nghiệp trong môi trường đại học được hình thành trên nền tảng tư tưởng kinh điển về vai trò của doanh nhân và đổi mới sáng tạo trong phát triển kinh tế, tiêu biểu là các công trình của Schumpeter (1934) và Drucker (1985). Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu đặt nền móng lý luận chung về khởi nghiệp, chưa trực tiếp xem trường đại học như một tác nhân trung tâm của hệ sinh thái khởi nghiệp. Từ cuối thập niên 1990, cùng với sự gia tăng vai trò của tri thức và công nghệ trong nền kinh tế, các trường đại học dần được nhìn

nhận như những chủ thể quan trọng trong việc ươm tạo và thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp.

Các nghiên cứu của Gibb (1993), Henry & cs. (2005) cùng Pittaway và Cope (2006) đã mở rộng cách tiếp cận giáo dục khởi nghiệp từ việc truyền thụ kiến thức sang thiết kế các chương trình học tập trải nghiệm gắn với thực tiễn doanh nghiệp và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong môi trường đại học. Theo hướng này, giáo dục khởi nghiệp không chỉ dừng ở hoạt động giảng dạy mà còn bao gồm các hình thức huấn luyện, cố vấn và hỗ trợ sinh viên phát triển ý tưởng, dự án khởi nghiệp. Các tiếp cận này cho thấy hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp trong trường đại học không chỉ là hoạt động đào tạo mà còn bao gồm nhiều chương trình và dịch vụ hỗ trợ được tổ chức trong nhà trường, do đó đòi hỏi phải có cơ chế quản lý và điều phối phù hợp trong tổng thể quản trị đại học.

Song song đó, nhiều quốc gia phát triển đã thể chế hóa hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp trong giáo dục đại học thông qua các trung tâm ươm tạo, vườn ươm doanh nghiệp và chương trình đào tạo tích hợp. Khái niệm “trường đại học hướng khởi nghiệp” (entrepreneurial university), được phát triển trong các nghiên cứu của Etzkowitz (2003), cùng với mô hình Triple Helix của Etzkowitz và Leydesdorff (2000), đã đặt nền tảng cho việc xem quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp như một chức năng liên kết hệ thống trong quản trị đại học.

Bước sang thập niên 2000, trọng tâm nghiên cứu dần chuyển từ mô tả hoạt động sang phân tích cách thức quản lý và điều hành các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp. Kuratko (2005) cho rằng hiệu quả của các hoạt động này phụ thuộc lớn vào năng lực quản trị chiến lược của nhà trường, đặc biệt là mức độ tích hợp mục tiêu khởi nghiệp vào sứ mệnh đào tạo và nghiên cứu. Ở cấp độ chính sách, các nghiên cứu của OECD nhấn mạnh vai trò của các cơ chế quản trị liên thông giữa đại học, doanh nghiệp và chính phủ trong việc bảo đảm tính bền vững của hệ sinh thái khởi nghiệp dựa vào đại học (Hofer & Potter, 2010b; OECD, 2010).

Trong thập niên 2010, Rice & cs. (2014) đã hệ thống hóa mô hình hệ sinh thái khởi nghiệp dựa vào đại học (University-Based Entrepreneurship Ecosystem – U-BEE), làm rõ các trụ cột quản lý cốt lõi và vai trò của trường đại học như một tác nhân trung tâm của hệ sinh thái đổi mới. Các nghiên cứu gần đây tiếp tục mở rộng hướng tiếp cận này trong bối cảnh kinh tế tri thức và chuyển đổi số, tập trung vào các mô hình hỗ trợ linh hoạt, tích hợp công nghệ và định hướng quản lý dựa trên kết quả đầu ra.

Các tổ chức quốc tế như OECD, WEF đều nhấn mạnh vai trò ngày càng quan trọng của hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp trong sứ mệnh phát triển của các trường đại học, gắn với đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng (OECD, 2021; World Economic Forum, 2020). Trong đó, OECD (2021) xem giáo dục và hỗ trợ khởi nghiệp là một cấu phần chiến lược trong chính sách đổi mới sáng tạo, nhấn mạnh quản trị dựa trên chu trình hoạch định, triển khai, theo dõi - đánh giá và cải tiến chính sách nhằm nâng cao hiệu quả và tính bền vững của các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp. World Economic Forum (2020) tiếp cận hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp trong mối liên hệ với chiến lược phát triển năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia, đề cao các cơ chế quản trị thích ứng, cải tiến liên tục và phản hồi dựa trên bằng chứng. Ở góc độ lý thuyết, Guerrero và Urbano (2012) phát triển khung phân tích về đại học khởi nghiệp theo hướng kết hợp quản lý chiến lược và tiếp cận thể chế, coi trường đại học như một tổ chức có khả năng học hỏi và thích ứng trước những thay đổi của môi trường.

Tổng quan nghiên cứu quốc tế cho thấy sự dịch chuyển từ trọng tâm giảng dạy tinh thần khởi nghiệp sang quản lý và thể chế hóa hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp như một cấu phần của quản trị đại học. Từ mô hình Triple Helix của Etzkowitz và Leydesdorff (2000), đến mô hình hệ sinh thái khởi nghiệp dựa vào đại học (U-BEE) của Rice & cs. (2014), có thể nhận thấy tư duy quản lý ngày càng mang tính hệ thống, nhấn mạnh liên kết mạng lưới, cải tiến liên tục và phát triển bền vững dựa trên tri thức.

b. Việt Nam

Tại Việt Nam, nghiên cứu về quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên trong trường đại học chủ yếu phát triển theo ba hướng: giáo dục khởi nghiệp trong trường đại học; hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp gắn với chính sách và vai trò của nhà trường; và hệ sinh thái khởi nghiệp cùng cơ chế phối hợp giữa các chủ thể. Mặc dù không phải tất cả các nghiên cứu đều sử dụng trực tiếp khái niệm “quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp”, nhiều công trình đã tiếp cận và làm rõ các nội dung mang bản chất quản lý của hoạt động này.

Tiêu biểu cho hướng nghiên cứu tiếp cận trực tiếp quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp là công trình của Nguyễn và Nguyễn (2021). Các tác giả đã hệ thống hóa hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp trong trường đại học thành năm nội dung: truyền thông – nâng cao nhận thức; đào tạo – bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng; xây dựng môi trường hỗ trợ; hỗ trợ nguồn vốn; và cơ chế, chính sách. Trên cơ sở đó, nghiên cứu phân tích các chức năng quản lý như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra - đánh giá. Công trình góp phần khẳng định hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp là một đối tượng quản lý chuyên biệt trong nhà trường, cần được tổ chức và điều hành một cách có hệ thống.

Ở góc độ gắn với quản lý giáo dục, Nguyễn (2017) khi nghiên cứu xây dựng chương trình giáo dục đại học ngành khởi sự kinh doanh theo định hướng nghề nghiệp đã gián tiếp làm rõ vai trò của quản lý trong việc thiết kế chương trình đào tạo, phân bổ nguồn lực và gắn kết đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động. Mặc dù trọng tâm nghiên cứu là chương trình đào tạo, song các nội dung liên quan đến tổ chức thực hiện và điều phối giữa nhà trường với các bên liên quan cho thấy yếu tố quản lý giữ vai trò quan trọng đối với hiệu quả hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp. Một số nghiên cứu trong nước tiếp cận quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp từ góc độ vai trò của trường đại học trong triển khai các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp của Nhà nước. Bùi (2019) phân tích vai trò của nhà trường trong hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp theo các đề án của Chính phủ, nhấn mạnh yêu cầu xây dựng cơ chế tổ chức, bộ máy và lộ trình triển khai phù hợp. Nghiên cứu cho thấy quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cần gắn với chiến lược phát triển của nhà trường, có sự phân công rõ ràng và huy động hiệu quả các nguồn lực.

Song song đó, thông qua nghiên cứu tại một số cơ sở giáo dục đại học địa phương, Đặng (2020) chỉ ra những bất cập trong công tác tổ chức và quản lý hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, như thiếu đầu mối quản lý thống nhất, nguồn lực phân tán và hoạt động hỗ trợ phụ thuộc nhiều vào các dự án ngắn hạn. Từ đó, tác giả đề xuất tiếp cận hỗ trợ khởi nghiệp theo hướng hệ sinh thái, trong đó quản lý đóng vai trò trung tâm nhằm kết nối các chủ thể và bảo đảm tính bền vững của hoạt động hỗ trợ. Theo tiếp cận hệ sinh thái trong trường đại học, một số nghiên cứu về giáo dục khởi nghiệp và mô hình “đại học khởi nghiệp” đã gián tiếp làm rõ các nội dung quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp. Trần và Lê (2019) nhấn mạnh vai trò của nhà trường trong tổ chức và điều phối các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp như phát triển đội ngũ cố vấn, xây dựng không gian sáng tạo và kết nối doanh nghiệp, đồng thời cho rằng thiếu cơ chế quản lý phù hợp là một rào cản lớn đối với việc triển khai hiệu quả các hoạt động này. Nghiên cứu của Nguyễn & cs. (2020) cho thấy hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp tại các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh còn thiếu sự liên kết giữa đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng, qua đó hàm ý cần tích hợp các hoạt động này vào chiến lược phát triển chung của nhà trường.

Bên cạnh các nghiên cứu tiếp cận trực tiếp quản lý trong phạm vi nhà trường, một số công trình mở rộng góc nhìn sang quản lý hệ sinh thái khởi nghiệp. Dương (2019) chỉ ra những hạn chế trong cơ chế quản lý và phối hợp giữa các chủ thể của hệ sinh thái khởi nghiệp tại Việt Nam. Mặc dù không tập trung trực tiếp vào sinh viên hay trường đại học, nghiên cứu vẫn cung cấp cơ sở lý luận quan trọng cho việc nghiên cứu quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp trong môi trường đại học. Bên cạnh đó, các tài liệu và nghiên cứu về cố vấn khởi nghiệp, như tài

liệu của Vietnam Mentor Initiative-VMI (2016) và công trình của Lê (2022), tuy không trực tiếp nghiên cứu quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp trong trường đại học, nhưng đã cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc thiết kế, tổ chức và quản lý các chương trình cố vấn – một cấu phần quan trọng trong hệ thống hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp. Đáng chú ý, Bùi & Lê (2020) tiếp cận vườn ươm khởi nghiệp trong trường đại học như một thiết chế quản lý trung gian, hỗ trợ nhà trường tổ chức, điều phối và giám sát các hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp.

Tổng hợp các nghiên cứu trong nước cho thấy, mặc dù đã có nhiều công trình tiếp cận quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên tại trường đại học từ các góc độ khác nhau, song vẫn còn thiếu các nghiên cứu xây dựng khung quản lý mang tính hệ thống, gắn với chu trình quản lý và bối cảnh đặc thù của các trường đại học địa phương. Đây chính là khoảng trống khoa học mà nghiên cứu này hướng tới làm rõ và bổ sung.

2.3.3. Mô hình hỗ trợ khởi nghiệp tại các trường đại học

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp 4.0, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. Trường đại học ngày càng được nhìn nhận không chỉ là nơi đào tạo nguồn nhân lực mà còn là trung tâm nghiên cứu, chuyển giao tri thức và ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp.

a. Quốc tế

Trên thế giới, nhiều quốc gia đã phát triển các mô hình hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong trường đại học như một cấu phần chiến lược của hệ thống giáo dục đại học. Các mô hình này thường tích hợp chặt chẽ giữa đào tạo, nghiên cứu và khởi nghiệp, đồng thời gắn với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia. Theo Hofer và Potter (2010a), các mô hình hỗ trợ khởi nghiệp đại học được đánh giá theo sáu tiêu chí thực hành tốt: chiến lược, nguồn lực, hạ tầng hỗ trợ, giáo dục khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và đánh giá. Nghiên cứu tại nhiều quốc gia cho thấy hoạt động khởi nghiệp trong trường đại học chỉ phát triển bền vững khi được tích hợp vào chiến lược phát triển, có cơ chế quản trị thống nhất, hạ tầng hỗ trợ phù hợp và hệ thống đánh giá hiệu quả. Đây là nền tảng cho sự hình thành mô hình “đại học khởi nghiệp” được OECD và Ủy ban châu Âu phát triển (OECD, 2012), Mô hình đại học khởi nghiệp xác định bảy lĩnh vực cốt lõi, bao gồm: lãnh đạo và quản trị; năng lực tổ chức và cơ chế khuyến khích; phát triển khởi nghiệp trong giảng dạy và học tập; lộ trình hỗ trợ người khởi nghiệp; quan hệ hợp tác và chuyển giao tri thức; quốc tế hóa; và đo lường tác động. Trên thực tiễn, nhiều trường như MIT, Stanford, Aalto, Cambridge và Technion đã triển khai hiệu quả mô hình hỗ trợ khởi nghiệp theo tiếp cận hệ thống, với tổ chức chuyên trách và cơ chế đánh giá dựa trên kết quả ươm tạo. Những kinh nghiệm này cung cấp cơ sở quan trọng cho việc xây dựng và quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp trong trường đại học.

b. Việt Nam

Tại Việt Nam, trong khoảng một thập kỷ gần đây, đặc biệt từ khi triển khai Đề án 844 (2016) và Đề án 1665 (2017) của Chính phủ, các trường đại học đã từng bước hình thành và phát triển các mô hình hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Các mô hình này phản ánh sự chuyển dịch từ tư duy “truyền thụ kiến thức” sang “kiến tạo môi trường sáng tạo và khởi nghiệp” trong nhà trường.

Đề án 1665 định hướng các cơ sở giáo dục xây dựng hệ thống hỗ trợ khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên thông qua các nhóm giải pháp về nâng cao nhận thức, đào tạo - phát triển năng lực, xây dựng môi trường hỗ trợ, hỗ trợ nguồn lực và hoàn thiện cơ chế chính sách (Thủ tướng Chính phủ, 2017).

Trên cơ sở đó, nhiều trường đại học đã xây dựng các mô hình hỗ trợ khởi nghiệp theo hướng tích hợp đào tạo - nghiên cứu - khởi nghiệp và tăng cường liên kết với doanh nghiệp,

địa phương. Tiêu biểu có thể kể đến các mô hình tại Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Ngoại thương, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Phenikaa Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tuy đa dạng về cách tiếp cận nhưng đều hướng tới tích hợp đào tạo - nghiên cứu - khởi nghiệp và tăng cường liên kết với doanh nghiệp, địa phương.

Nhìn chung, các mô hình hỗ trợ khởi nghiệp trong trường đại học Việt Nam đang chuyển dần từ triển khai rời rạc sang quản lý theo hướng hệ thống. Tuy vẫn còn hạn chế về nguồn lực, cơ chế tài chính – pháp lý và mức độ liên kết so với các mô hình quốc tế, xu hướng gần đây cho thấy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đang trở thành một cấu phần quan trọng trong quản trị đại học, gắn với định hướng phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia.

2.4. Đánh giá chung về các công trình nghiên cứu

2.4.1. Các kết quả đạt được

Tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên tại trường đại học đã được tiếp cận ngày càng toàn diện, từ cơ sở lý luận về giáo dục khởi nghiệp, các mô hình tổ chức hỗ trợ, đến phân tích tác động đối với năng lực và ý định khởi nghiệp của sinh viên. Các nghiên cứu quốc tế đã xây dựng được nền tảng lý luận khá vững chắc, làm rõ vai trò trung tâm của trường đại học trong hệ sinh thái khởi nghiệp, đặc biệt thông qua các mô hình như đại học khởi nghiệp, Triple Helix và hệ sinh thái khởi nghiệp dựa vào đại học. Nhiều công trình đã chỉ ra rằng hiệu quả hỗ trợ khởi nghiệp phụ thuộc lớn vào năng lực quản trị, mức độ tích hợp giữa đào tạo - nghiên cứu - khởi nghiệp và cơ chế phối hợp giữa các chủ thể trong và ngoài nhà trường.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu bước đầu đã hệ thống hóa nội dung hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên, làm rõ vai trò của trường đại học trong triển khai chính sách quốc gia về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đồng thời phản ánh tương đối đầy đủ thực trạng triển khai các hoạt động hỗ trợ tại các cơ sở giáo dục đại học. Một số công trình đã tiếp cận trực diện khái niệm quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp, phân tích các chức năng quản lý và đề xuất mô hình tổ chức phù hợp với bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam.

2.4.2. Khoảng trống nghiên cứu

Mặc dù đạt được nhiều kết quả quan trọng, tổng quan nghiên cứu cho thấy vẫn tồn tại một số khoảng trống đáng chú ý. Thứ nhất, phần lớn các nghiên cứu trong nước mới tiếp cận quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp theo hướng mô tả thực trạng, phân tích vai trò hoặc đề xuất giải pháp riêng lẻ, trong khi còn thiếu các nghiên cứu xây dựng khung lý luận quản lý tổng thể cho hệ hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp trong trường đại học theo tiếp cận hệ thống. Thứ hai, các nghiên cứu chưa làm rõ đầy đủ mối quan hệ giữa quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp với chiến lược phát triển nhà trường, đặc biệt trong bối cảnh tự chủ đại học và chuyển đổi số. Thứ ba, còn thiếu các nghiên cứu chuyên sâu về quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp tại các trường đại học địa phương, nơi chiếm tỷ trọng lớn trong hệ thống giáo dục đại học nhưng có điều kiện nguồn lực và bối cảnh phát triển khác biệt so với các trường đại học lớn, trọng điểm.

2.4.3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Từ các nghiên cứu quốc tế và trong nước, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm quan trọng cho Việt Nam, cụ thể: hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên cần được quản lý như một hệ thống tích hợp, gắn với chiến lược phát triển dài hạn của trường đại học, thay vì triển khai rời rạc theo từng chương trình hoặc dự án; cần hình thành các thiết chế quản lý chuyên trách như trung tâm khởi nghiệp, vườn ươm hoặc đơn vị điều phối hệ sinh thái, đóng vai trò kết nối và điều phối các nguồn lực trong và ngoài nhà trường và quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cần dựa trên các chu trình quản lý và cải tiến liên tục (như PDCA), có hệ thống theo dõi – đánh giá dựa trên kết quả đầu ra và tác động; việc vận dụng các mô hình quốc tế cần có

sự điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với điều kiện nguồn lực, đặc thù vùng và sứ mệnh của từng loại hình trường đại học tại Việt Nam.

3. Kết luận và hàm ý nghiên cứu

Tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên trong trường đại học ngày càng được quan tâm như một cấu phần quan trọng của giáo dục đại học và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Các nghiên cứu đã làm rõ vai trò của nhà trường trong phát triển năng lực khởi nghiệp và xây dựng môi trường hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu trong nước vẫn chủ yếu tập trung vào mô tả thực trạng hoặc đề xuất giải pháp riêng lẻ, trong khi còn thiếu các nghiên cứu tiếp cận quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp theo hướng hệ thống, đặc biệt tại các trường đại học địa phương. Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu và xây dựng khung quản lý hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên trong trường đại học là cần thiết, góp phần nâng cao hiệu quả triển khai các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp tại Việt Nam.

Từ tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có thể rút ra một số hàm ý đối với việc hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên trong trường đại học ở Việt Nam. Hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cần được đặt trong tổng thể hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia và gắn với chiến lược phát triển của các trường đại học. Chính sách cần tạo điều kiện để các trường đại học xây dựng các thiết chế hỗ trợ khởi nghiệp như trung tâm khởi nghiệp, vườn ươm và không gian đổi mới sáng tạo, đồng thời tăng cường liên kết giữa nhà trường với doanh nghiệp và hệ sinh thái địa phương. Về phương diện quản lý, hoạt động này cần được tổ chức theo tiếp cận hệ thống, xác định rõ mục tiêu, nội dung và cơ chế quản lý, đồng thời triển khai theo chu trình cải tiến liên tục nhằm nâng cao hiệu quả và tính bền vững của các hoạt động hỗ trợ.

Tài liệu tham khảo

- Ajzen, I. (1991). The Theory of Planned Behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(2), 179–211. [https://doi.org/doi:10.1016/0749-5978\(91\)90020-t](https://doi.org/doi:10.1016/0749-5978(91)90020-t)
- Audretsch, D. B., & Link, A. N. (2011). Entrepreneurship and innovation: Public policy frameworks. *Journal of Technology Transfer*, 37(1), 1–17. <https://doi.org/10.1007/s10961-011-9240-9>
- Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2016). *Nghị quyết 05-NQ/TW chủ trương chính sách lớn nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng sức cạnh tranh nền kinh tế*. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Nghi-quyet-05-NQ-TW-chu-truong-chinh-sach-lon-nham-doi-moi-mo-hinh-tang-truong-suc-can-phanh-nen-kinh-te-329067.aspx>
- Bechard, J. P., & Toulouse, J. M. (1998). Validation of a didactic model for the analysis of training objectives in entrepreneurship. *Journal of Business Venturing*, 13(4), 317–332. [https://doi.org/10.1016/S0883-9026\(98\)80006-2](https://doi.org/10.1016/S0883-9026(98)80006-2)
- Bird, B. (1988). Implementing Entrepreneurial Ideas; The Case for Intention. *Academy of Management Review*, 13(3), 442–453. <https://doi.org/10.2307/258091>
- Bosma, N., Hill, S., Ionescu-Somers, A., Kelley, D., Guerrero, M., & Schott, T. (2021). *Global Entrepreneurship Monitor 2020/2021 Global Report*. the Global Entrepreneurship Research Association, London Business School. <http://www.witchwoodhouse.com>
- Bùi, A. T., & Lê, T. T. H. (2020). Thúc đẩy vườn ươm khởi nghiệp trong trường đại học. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, 1+2, 57–60.

- Bùi, Đ. T. (2024). *Giáo trình Quản lý nhà nước về giáo dục*. Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bùi, T. D. (2019). Vai trò của trường đại học trong hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, 3, 19–21.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*. tulieuvankien.dangcongsan.vn. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii/nghi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiii-cua-dang-3663>
- Đặng, V. T. (2020). Nghiên cứu xây dựng mô hình hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. *Kỷ yếu Các đề tài, dự án khoa học và công nghệ tỉnh Phú Thọ năm 2020*, 117–124.
- Drucker, P. F. (1985). *Innovation and Entrepreneurship*. Harper & Row.
- Dương, N. H. (2019). Thực trạng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam: Khó khăn và giải pháp. *Tạp chí Công Thương*. Truy cập từ <https://tapchicongthuong.vn/thuc-trang-khoi-nghiep-doi-moi-sang-tao-tai-viet-nam--kho-khan-va-giai-phap-64168.htm>
- Etzkowitz, H. (2003). Research groups as quasi-firms- the invention of the entrepreneurial university. *Elsevier*, 109–121.
- Etzkowitz, H. (2008). The triple helix: University-industry-government innovation in action. In *The Triple Helix: University-Industry-Government Innovation in Action* (1st Edition). Routledge Taylor & Francis Group. <https://doi.org/10.4324/9780203929605>
- Etzkowitz, H., & Leydesdorff, L. (2000). The dynamics of innovation: from National Systems and “Mode 2” to a Triple Helix of university–industry–government relations. *Research Policy*, 29(2), 109–123. [https://doi.org/10.1016/S0048-7333\(99\)00055-4](https://doi.org/10.1016/S0048-7333(99)00055-4)
- European Union. (2017). *EntreComp: The Entrepreneurship Competence Framework*. Publications Office of the European Union. <https://doi.org/10.2767/762330>
- Fayolle, A., & Gailly, B. (2008). From craft to science: Teaching models and learning processes in entrepreneurship education. *Journal of European Industrial Training*, 32(7), 569–593. <https://doi.org/10.1108/03090590810899838>
- Freund, C. L. ., Mattoo, Aaditya., & Antràs, Pol. (2021). *World development report 2020: Trading for development in the age of global value chains*. World Bank Group, Credo Reference. <https://doi.org/10.1596/978-1-4648-1457-0>
- Gartner, W. B. (1988). “Who Is an Entrepreneur?” Is the Wrong Question. *American Journal of Small Business*, 12(4), 11–32. <https://doi.org/10.1177/104225878801200401>
- Gibb, A. A. (1993). The Enterprise Culture and Education: Understanding Enterprise Education and Its Links with Small Business, Entrepreneurship and Wider Educational Goals. *International Small Business Journal: Researching Entrepreneurship*, 11(3), 11–34. <https://doi.org/10.1177/026624269301100301>
- Guerrero, M., & Urbano, D. (2012). The development of an entrepreneurial university. *Journal of Technology Transfer*, 37(1), 43–74. <https://doi.org/10.1007/s10961-010-9171-x>
- Hansemark, O. C. (1998). The effects of an entrepreneurship programme on Need for Achievement and Locus of Control of reinforcement. *International Journal of Entrepreneurial Behaviour & Research*, 4(1), 28–50. <https://doi.org/10.1108/13552559810203957>

- Henry, C., Hill, F., & Leitch, C. (2005). Entrepreneurship education and training: Can entrepreneurship be taught? Part II. *Education + Training*, 47(3), 158–169. <https://doi.org/10.1108/00400910510592211>
- Hofer, A.-R., & Potter, J. (2010a). Universities, Innovation and Entrepreneurship: Criteria and Examples of Good Practice. *OECD Local Economic and Employment Development (LEED) Papers*. <https://doi.org/10.1787/5KM7RQ0PQ0Q0Q-EN>
- Hofer, A.-R., & Potter, J. (2010b). University entrepreneurship support: policy issues, good practices and recommendations. *OECD Directorate's Programme on Institutional Management in Higher Education*, (November), 35. <http://www.oecd.org/education/imhe/46588578.pdf>
- Holmgren, C., Jörgen, F., Olofsson, A., Karlsson, H., Snyder, K. risten, & Sundtröm, U. (2004). Entrepreneurship education: salvation or damnation? *International Journal of Entrepreneurship*, 8, 55–71.
- Hua, J., Zheng, K., & Fan, S. (2022). The impact of entrepreneurial activities and college students' entrepreneurial abilities in higher education—A meta-analytic path. *Frontiers in Psychology*, 13(August), 1–16. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2022.843978>
- Isenberg, D. J. (2011). *The Entrepreneurship Ecosystem Strategy as a New Paradigm for Economy Policy: Principles for Cultivating Entrepreneurship*.
- Kuratko, D. F. (2005). The emergence of entrepreneurship education. *Entrepreneurship: Theory and Practice*, 29(5), 577–597. Truy cập từ <https://journals.sagepub.com/doi/abs/10.1111/j.1540-6520.2005.00099.x?journalCode=etpb>
- Kyrö, P. (2015). The conceptual contribution of education to research on entrepreneurship education. *Entrepreneurship and Regional Development*, 27(9–10), 599–618. <https://doi.org/10.1080/08985626.2015.1085726>
- Lackéus, M. (2015). *Entrepreneurship in Education - What, Why, When, How*.
- Lê, A. Đ. (2021). Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của sinh viên các trường đại học tại Việt Nam. *Tạp chí Đại học Công Thương*. Truy cập từ <https://tapchicongthuong.vn/khoi-nghiep-doi-moi-sang-tao-cua-sinh-vien-cac-truong-dai-hoc-tai-viet-nam-84427.htm>
- Lê, T. T. L. (2022). *Người Có vấn*. NXB Thế Giới.
- MacMillan, I. C. (1993). The emerging forum for entrepreneurship scholars. *Journal of Business Venturing*, 8(5), 377–381. [https://doi.org/10.1016/0883-9026\(93\)90019-2](https://doi.org/10.1016/0883-9026(93)90019-2)
- Nabi, G., Liñán, F., Fayolle, A., Krueger, N., & Walmsley, A. (2017). The impact of entrepreneurship education in higher education: A systematic review and research agenda. In *Academy of Management Learning and Education* (Vol. 16, Number 2, pp. 277–299). George Washington University. <https://doi.org/10.5465/amle.2015.0026>
- Nascimento, L. da S., & Salazar, V. S. (2020). On social enterprises and social entrepreneurship: An extension. *BAR - Brazilian Administration Review*, 17(2), 1–25. <https://doi.org/10.1590/1807-7692bar2020190014>
- Neck, H. M., & Greene, P. G. (2011). Entrepreneurship Education: Known Worlds and New Frontiers. *Journal of Small Business Management*, 49(1), 55–57. <https://doi.org/10.1111/j.1540-627x.2010.00314.x>
- Nguyễn, T. N. H., & Nguyễn, M. C. (2021). Một số vấn đề về lý luận quản lý hoạt động hỗ

- trợ sinh viên khởi nghiệp tại trường đại học. *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Lang*, 27(5), 130–137.
- Nguyễn, T. S., Nguyễn, T. M., Lý, N. Y. N., Lê, T. X. S., Trần, Q. Đ., Thái, V. T., & Tô, N. H. (2020). *Giáo dục khởi nghiệp của các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh*. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn, V. H. (2017). *Chương trình giáo dục đại học ngành Khởi sự kinh doanh theo định hướng nghề nghiệp*. NXB Lao động - Xã hội.
- OECD. (2010). *The OECD Innovation Strategy: Getting a Head Start on Tomorrow*. OECD Publishing. Truy cập từ www.sourceoecd.org/socialissues/9789264084704 www.sourceoecd.org/governance/9789264084704 www.sourceoecd.org/scienceIT/9789264084704
- OECD. (2012). *A Guiding Framework for Entrepreneurial Universities*.
- OECD. (2021). SME and entrepreneurship policy frameworks across OECD countries: An OECD Strategy for SMEs and Entrepreneurship. *OECD SME and Entrepreneurship Papers, Vol. 29*. <https://doi.org/10.1787/9f6c41ce-en>
- Phạm, T. K., & Nguyễn, T. H. G. (2021). Thực trạng năng lực khởi nghiệp sáng tạo và nhận thức về giáo dục khởi nghiệp sáng tạo tại Trường Đại học Nông Lâm-Đại học Huế. *Tạp chí Giáo dục*, 493(1), 44–48.
- Phạm, V. H. (2021). Kinh nghiệm hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp của các trường đại học ở một số nước phát triển và bài học cho Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hồng Đức*, 54, 30–38.
- Phan, H. Q. (2017). Vai trò của Giáo dục Khởi nghiệp đối với ý định khởi sự kinh doanh của sinh viên. *Journal of Education Management*, 9(10), 85–93.
- Pittaway, L., & Cope, J. (2006). Entrepreneurship education-A systematic review of the evidence. In *International Small Business Journal* (Vol. 25, Number 5, pp. 479–510). <https://doi.org/10.1177/0266242607080656>
- Rice, M. P., Fetters, M. L., & Greene, P. G. (2014). University-based entrepreneurship ecosystems: a global study of six educational institutions. In *Int. J. Entrepreneurship and Innovation Management, Vol. 18, Number 6*.
- Schumpeter, J. A. (1934). *The Theory of Development: An Inquiry into Profits, Capital, Credit, Interest, and the Business Cycle* (R. Opie, Tran.). Harvard University Press.
- Shane, S., & Venkataraman, S. (2000). The Promise of Entrepreneurship as a Field of Research. *Academy of Management*, 25(1), 217–226.
- Thủ tướng Chính phủ. (2017). *Quyết định phê duyệt Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”*. *Quyết định 1665/QĐ-TTg*. Ngày 30 tháng 10 năm 2017. Truy cập từ <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=191647>
- Trần, Á. P., & Lê, B. P. (2019). Giảng dạy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong bối cảnh xây dựng các “đại học khởi nghiệp”. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, (55), 126–132.
- Vietnam Mentor Initiative-VMI. (2016). *Tài liệu hướng dẫn Cố vấn khởi nghiệp*.
- World Economic Forum. (2020). *The Future of Jobs Report 2020*.